TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 103/2024/DS-PT Ngày: 29 - 02 - 2024 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thũy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc V. Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, Luật sư Công ty luật TNHH MTV Chính Đạt – Chi nhánh Phú Quốc, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn L. Sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C . (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh C . (vắng).

- Bà Nguyễn Thị H2. Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C . (vắng).

- Bà Nguyễn Thị H1. Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

Do có kháng cáo của: Ông Nguyễn Quốc V, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày ngày 12/10/2022, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông V và vợ là Nguyễn Thị H2 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Phường ở Cái Nước, Cà Mau (ông V không biết địa chỉ cụ thể) với diện tích 12.647m^2 đất tọa lạc tại ấp Hà Phúc Ứng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Giá chuyển nhượng là 60 chỉ vàng 24k. Phần đất có tứ cận giáp: Mặt tiền giáp kênh 11 dài khoảng 25,3m; Mặt hậu giáp kênh 500 dài khoảng 25,3m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Lê Văn L; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Lê Thị Mi.

Từ khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông V quản lý sử dụng phần đất và có ký hợp đồng chuyển nhượng vào năm 2011 nhưng đến nay chưa chuyển tên quyền sử dụng đất, phần đất hiện ông Phường đứng tên.

Năm 2019 ông V phát hiện ông L lấn đất chiều ngang khoảng 05 tấc, chiều dài khoảng 400m nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay ông V yêu cầu ông L trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích theo đo đạc thực tế 348,7m^2

Tại biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông L và vợ là Nguyễn Thị H1 nhận chuyển nhượng của Trần Văn T vào năm 2003 với diện tích 10 công (tầm lớn) tọa lạc tại ấp Hà Phúc Ứng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với giá chuyển nhượng là 36.000.000 đồng. Ông T đã giao đất cho ông L quản lý sử dụng từ năm 2003 nhưng đến nay ông T chưa chuyển tên cho ông L.

Phần đất ông L nhận chuyển nhượng của ông T có tứ cận: Mặt tiền giáp kênh 11 dài 28,5m; Mặt hậu giáp kênh 500 dài 25,5m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Nguyễn Văn Sỹ; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Nguyễn Quốc V.

Ông L cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 348,7m^2 do ông L quản lý sử dụng nhưng ông không có lấn đất của ông V vì từ xưa đến nay ranh đất giữa hai bên đã có sẵn. Tuy nhiên ông thống nhất cùng với ông V chia đôi phần đất tranh chấp mỗi người ½ diện tích đất tranh chấp.

Tại biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Bà H2 thống nhất với toàn bộ ý kiến của Nguyễn Quốc V (chồng bà H2).

Tại biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông Lê Văn L (chồng bà H1).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V. Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Quốc V, bà

Nguyễn Thị H2 quản lý sử dụng phần đất tranh chấp với diện tích theo đo đạc thực tế 172,05m^2 (đã trừ phần lộ bê tông 02m với diện tích 2,3m^2) đất. Theo mảnh trích đo địa chính ngày 09/11/2020 của Công ty TNHH một thành viên Tài Nguyên Thành Long thì phần đất có vị trí tứ cận như sau: Mặt tiền giáp kênh 11 có mốc từ số 1 đến số 2 gọi là mốc số 1' dài 0,945, mặt hậu giáp kênh 500 có mốc số 3, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất tranh chấp còn lại do ông Lê Văn L quản lý từ mốc số 1' về mốc số 3, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại không tranh chấp do ông Nguyễn Quốc V quản lý có mốc từ số 1 về mốc số 3.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V về việc yêu cầu ông Lê Văn L trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế với diện tích 172,05m^2 đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/10/2023, ông Nguyễn Quốc V kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L bà H1 trả cho nguyên đơn diện tích 348,7m^2 đất.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông V giữ nguyên kháng cáo.

Phần đất tranh chấp có chiều ngang 1,89m, dài khoảng hơn 200m, là toàn bộ quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất thuộc về ông V. Căn cứ kháng cáo:

+ Chiều ngang 1,89m, trong đó có khoảng 01m ngang là bờ đất, tiếp giáp bờ là khoảng 01m ngang là con mương đang tranh chấp, kế tiếp là con mương tranh chấp tính qua phần đất ông L cũng là một con mương chiều ngang khoảng 01m do ông L quản lý sử dụng, bởi vì trước đây đã hình thành con mương chung ngang khoảng 02m, giữa ông V và Lam đã phân chia con mương mỗi người được quản lý, sử dụng ½ tương đương 01m ngang, mỗi bên sử dụng ổn định, nhưng đến năm 2019 ông L múc đất đắp bờ làm sạt đất ông V dẫn đến ông V bị thất thu, nên xảy ra tranh chấp và ông L chiếm con mương của ông V, khi Tòa án huyện thẩm định thì ông L chỉ từ con mương của ông V đo qua đất bờ của Việt cho nên mới có diện tích tranh chấp ngang 1,89m.

+ Ông V và ông L đã xác định ranh chung ở phần hậu đất là vị trí số 3 của bản vẽ, từ điểm chung kéo thẳng đến mặt tiền thì phần đất tranh chấp thuộc về ông V được thể hiện trong giấy chứng nhận QSD đất.

+Theo giấy chứng nhận QSD đất của ông V thể hiện ngang mặt tiền 24m, nếu trừ con mương của ông V khoảng 0,50m, thì phần đất bờ tranh chấp cộng với chiều ngang 22,60m của ông V không tranh chấp thì đúng với mặt tiền được cấp. Trong khi ngang mặt tiền đất ông L đo thực tế 27,29m, ông L căn cứ vào giấy tay sang bán ghi chiều ngang 28,5m từ đó cho rằng chiều ngang thiếu đất là do ông V lấn là thiếu căn cứ.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên trước đây con mương chung ngang 02m, đã chia mỗi bên 01m, phần 01m của ông L thì ông L quản lý sử dụng, hiện tại ông L tiếp tục chiếm con mương

ngang 01m của ông V. Khi đo đạc thực tế thì Lam xác định ranh giới không chính xác, ông L chỉ ranh giới là con mương của ông V, từ đó án sơ thẩm phán quyết gây bất lợi cho Việt.

- Ông Lê Văn L trình bày: Đất của ông V hiện quản lý không đúng theo giấy chứng nhận QSD đất của ông Phường. Đất tranh chấp thuộc về ông L và đồng ý với án sơ thẩm, không đồng ý kháng cáo của ông V.

- Bà H1 đồng ý với ý kiến ông L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Quốc V còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H2, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bà H2.

[2] Ông V nhận chuyển nhượng QSD đất 12.647m^2 từ ông Nguyễn Văn Phường, ông Phường giao toàn bộ diện tích đất và giấy chứng nhận đứng tên ông Phường cho ông V nhưng ông V chưa làm thủ tục sang tên; ông L nhận chuyển nhượng QSD đất từ ông T 10 công tầm lớn, đôi bên làm giấy tay sang bán, theo ông L thì ông T đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng ông T không giao giấy cho ông L, do đó ông L không có giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông T để cung cấp cho Tòa án.

QSD đất của ông Phường bán cho ông V và đất của ông T bán cho ông L giáp ranh nhau. Phần đất tranh chấp tọa lạc ấp Hà Phúc Ứng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, theo đo đạc thực tế có diện tích là 348,7m^2, sau khi trừ diện tích lộ bê tông 4,6m^2 thì diện tích tranh chấp 344,1m^2 ngang 1,89m, dài khoảng 200m (trong đó con mương ngang khoảng 01m dài khoảng 40m, còn lại là bờ đất).

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn giao trả toàn bộ diện tích đất 344,1m^2 chứ không đồng ý bị đơn giao trả ½ diện tích 172,05m^2

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, nhận thấy:

Thứ nhất, Ông L nhận chuyển nhượng QSD đất từ ông Trần Văn T thể hiện bằng "Tờ nhượng đất" có nội dung: ông T sang nhượng cho ông L chiều ngang

mặt tiền 28,5m, ngang mặt hậu 25,5m, chiều dài 500m. Theo ông L trình bày giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông T phía ông L không quản lý mà ông T giao cho một người khác quản lý. Đối với ông L trình bày chiều ngang mặt tiền 28,5m là dựa vào giấy sang bán hai bên tự ký chứ không có cơ quan thẩm quyền xác nhận hay chứng thực. Ông L khai mặt tiền đất của ông 28,5m là chưa có căn cứ vững chắc.

Ông V nhận chuyển nhượng QSD đất từ ông Nguyễn Văn Phường với diện tích 12.647m^2 và ông Phường giao giấy chứng nhận QSD đất đứng tên Nguyễn Văn Phường cho ông V. Căn cứ hồ sơ Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Phường, có biên bản xác minh nguồn gốc đất lập ngày 13/8/2008 thể hiện tứ cận xác nhận ký tên là ông Lê Văn L và ông Lê Văn Một, vị trí khu đất Đông giáp Lê Văn L dài 475m, Tây giáp Lê Văn Một dài 475m, Nam giáp Kênh 500 (mặt hậu) dài 25m, Bắc giáp Kênh 11 (mặt tiền) dài 24m. Đây là căn cứ pháp lý chứng minh chiều ngang ông Phường được cấp đã được thể hiện trong hồ sơ cấp đất ngang mặt tiền 24m. Qua đo đạc thực tế, đất tranh chấp ngang mặt tiền 1,89m, theo như ông V trình bày con mương chung hai bên cùng sử dụng và đã chia đôi, hiện con mương của ông V quản lý, sử dụng ngang khoảng 0,50m, như vậy 1,89m – 0,50m = 1,39m (là phần đất bờ có tranh chấp) + 22,60m (là đất chiều ngang mặt tiền của ông V không tranh chấp) = 23,99m, với diện tích này là tương đương với diện tích chiều ngang mặt tiền 24m được cấp trong giấy chứng nhận QSD đất.

Thứ hai, hồ sơ thể hiện lời trình bày của ông L và của ông Nguyễn Văn Sỹ (người sử dụng đất trước đó) xác nhận con mương sử dụng chung là phù hợp với lời khai của ông V. Trên thực tế giữa phần đất ông V và ông L có con mương chiều ngang khoảng 02m và đã được ông V, ông L chia đôi mỗi bên sử dụng ½ con mương. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác nhận hiện tại ông L đang quản lý 01m ngang là con mương không tranh chấp, giáp con mương không tranh chấp thì có con mương khoảng 01m đang tranh chấp.

Qua lời trình bày của các đương sự tại tòa, cho thấy lời khai ông V là có căn cứ, bởi vì con mương đã hình thành từ rất lâu từ khi ông V và ông L chưa mua phần đất, con mương chiều ngang khoảng 02m sử dụng chung trong sản xuất, canh tác, sau đó ông V và Lam đã chia đôi con mương cho mỗi bên quản lý ½ con mương có chiều ngang khoảng 01m; như vậy, hiện tại ông L quản lý con mương không tranh chấp, phía ông V quản lý con mương đang tranh chấp. Nếu theo ý kiến của ông L chia đôi phần đất đang tranh chấp thì cả con mương 02m thuộc về ông L, còn ông V không có mương, nếu không có con mương thì ông V sẽ không có đường nước sản xuất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V trình bày từ khi xảy ra tranh chấp, ông L ngăn cản không cho ông V sử dụng con mương nên ông V phải thuê đất của người khác để tạo đường nước mới lấy nước sản xuất.

Thứ ba, đo đạc thực tế, diện tích 11.340,8m^2 nếu cộng với diện tích tranh chấp thì đất của ông V thiếu so với giấy chứng nhận QSD đất.

Theo đo đạc thực tế tại mảnh trích đo địa chính, mặt hậu phần đất ông V và ông L giáp Kênh 500, ông V và ông L xác định được ranh chung phần hậu đất ở vị trí ký hiệu số "3". Từ vị trí số "3" kéo thẳng lên mặt tiền một đoạn khoảng 200m thì hai bên không tranh chấp và từ điểm chung không tranh chấp này kéo dài lên mặt tiền theo đường kẻ màu xanh (màu xanh là ký hiệu đường ranh đất tranh chấp ông V chỉ) đến vị trí số "2" là ranh giới giữa hai con mương thì phần đất tranh chấp thuộc về đất của ông V. Còn theo ký hiệu đường màu đỏ ông L chỉ từ điểm chung kéo thẳng đến vị trí số "1" thì ông L chỉ qua đất ông V.

[4] Từ những phân tích trên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đưa ra những căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc về quyền sử dụng của nguyên đơn; do đó, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông L, bà H1 giao trả cho ông V phần đất tranh chấp có diện tích 344,1m^2 (sau khi đã trừ đường lộ bê tông 4,6m^2).

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm; tuy nhiên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm với nhận định trên.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Nguyên đơn đồng ý giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về chi phí tố tụng và án phí dân sự có giá ngạch, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Quốc V; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 164, 165, 166, 175, 180, 182, 183 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V về việc yêu cầu ông Lê Văn L trả phần đất lấn chiếm tọa lạc tại ấp Hà Phúc Ứng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị H2 phần đất tranh chấp với diện tích theo đo đạc thực tế

344,1m^2 (đã trừ phần lộ bê tông 4,6m^2) đất tọa lạc tại ấp Hà Phúc Ứng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Theo mảnh trích đo địa chính ngày 09/11/2020 của Công ty TNHH một thành viên Tài Nguyên Thành Long thì phần đất có vị trí tứ cận như sau: Mặt tiền (phía Bắc) giáp Kênh 11 có mốc từ vị trí số 1 đến vị trí số 2 với chiều ngang 1,89m; mặt hậu (phía Nam) giáp Kênh 500 có mốc số 3; cạnh trái nhìn từ mặt tiền (phía Đông) giáp phần đất ông L tính từ mốc ở vị trí ký hiệu số 2 đến mốc ở vị trí số 3; cạnh phải nhìn từ mặt tiền (phía Tây) giáp đất ông V tính từ mốc ở vị trí ký hiệu số 1 đến mốc ở vị trí số 3.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Quốc V ½ chi phí định giá với số tiền là 2.250.000 đồng.

Trường hợp ông L chậm thanh toán số tiền thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn L chịu 680.000 đồng (chưa nộp).

Ông Nguyễn Quốc V chịu 680.000 đồng. Ngày 14/10/2022 ông V dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003047 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, ông V phải tiếp tục nộp số tiền 380.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông V không phải chịu, ngày 09/10/2023 ông Nguyễn Quốc V dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003882 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền